

KẾ HOẠCH

**Bảo vệ và mở rộng nguồn nước mặt phục vụ cấp nước sinh hoạt trên địa
bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030**

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và luật đề điều ngày 19 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đề điều;

Căn cứ Kết luận số 36-KL/TW ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 4525/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt Quy hoạch thủy lợi tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt và công bố danh mục hồ, ao, đầm, phá (bàu) không được san lấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Danh mục nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 60/2022/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành quy định quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch bảo vệ và mở rộng nguồn nước mặt phục vụ cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Triển khai, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ bảo vệ môi trường nước lưu vực hệ thống sông Đồng Nai; các hồ, đập chứa nước; từng bước xử lý ô nhiễm môi trường, cải thiện và nâng cao chất lượng nước mặt; thực hiện cân bằng, an toàn nguồn nước giữa các chức năng cấp nước phục vụ sinh hoạt và tưới tiêu cũng như các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững khác; đồng thời gìn giữ cảnh quan thiên nhiên xanh, sạch, đẹp kết hợp du lịch sinh thái trên sông, hồ, đập chứa nước.

2. Cụ thể hóa các nhiệm vụ, mục tiêu về tỷ lệ nước sạch đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh Đồng Nai số 01-NQ/TU ngày 10 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 5 năm 2021-2025 của tỉnh Đồng Nai số 18/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020.

3. Xây dựng mô hình quản lý môi trường nước mặt phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, chất lượng cuộc sống; gắn quyền lợi của người khai thác, sử dụng tài nguyên nước với nghĩa vụ, trách nhiệm bảo vệ môi trường nước nhằm hướng tới sự phát triển an toàn, bền vững.

4. Nâng cao nhận thức của cộng đồng trong quản lý, bảo vệ tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và tăng cường sử dụng nước sạch từ nguồn nước mặt.

II. CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Bảo đảm số lượng, chất lượng nước cấp cho sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu cho sản xuất, kinh doanh của các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các ngành kinh tế quan trọng, thiết yếu; bảo đảm mọi người dân, mọi đối tượng được tiếp cận sử dụng nước sạch, công bằng, hợp lý.

2. Chủ động tích trữ, điều hòa nguồn nước; ứng phó hiệu quả, giảm thiểu rủi ro thiệt hại từ các thảm họa, thiên tai liên quan đến nước, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm sức khỏe, đời sống, sản xuất của người dân; bảo vệ môi trường, khắc phục tình trạng suy thoái, cạn kiệt nguồn nước. Bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước, trong đó các đập, hồ chứa nước quan trọng phải đảm bảo an toàn tuyệt đối trong mọi tình huống; chủ động ứng phó khi có sự cố, bảo vệ tính mạng tài sản của nhân dân.

3. Gắn kết chặt chẽ quy hoạch phát triển thủy lợi với quy hoạch của các ngành, lĩnh vực khác, nhằm đạt được các mục tiêu trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội toàn tỉnh đến năm 2030 đảm bảo chặt chẽ, đồng bộ và hiệu quả.

4. Nâng cao sức khỏe và chất lượng sống cho người dân nông thôn, góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh.

5. Khai thác hợp lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường, nhất là môi trường nước để phát triển bền vững, góp phần khắc phục tình trạng ô nhiễm nguồn nước. Đảm bảo nguồn nước mặt phục vụ sinh hoạt đạt Quy chuẩn.

quốc gia QCVN 08-MT:2015/BTNMT về chất lượng nước mặt và các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn liên quan.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhóm giải pháp bảo vệ nguồn nước mặt

a) Kiểm soát tốt việc khai thác, sử dụng nguồn nước ngầm, thực hiện hạn chế khai thác nước dưới đất theo Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm, 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất và bản đồ khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Rà soát, đánh giá lại công năng, nhiệm vụ, quy trình vận hành của đập, hồ chứa nước so với thiết kế ban đầu để có giải pháp nâng cao năng lực trữ nước, ứng phó với mưa lũ cực đoan, vận hành theo thời gian và hướng tới phục vụ đa mục tiêu. Tiếp tục rà soát, bổ sung các đập, hồ chứa nước quan trọng vào danh mục đập, hồ chứa quan trọng liên quan đến an ninh nguồn nước.

Nâng cao hiệu quả sử dụng dung tích toàn bộ các hồ chứa, trong đó có phần dung tích phòng lũ, dung tích chết, trong việc tham gia điều tiết lũ, trữ nước và cấp nước cho hạ du trong điều kiện xảy ra lũ lụt, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

Xây dựng, hoàn chỉnh các quy trình vận hành hồ chứa nhằm tối ưu hóa việc phối hợp vận hành điều tiết của các hồ chứa trên địa bàn tỉnh, bảo đảm gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ chống lũ, giảm lũ và cấp nước tưới tiêu, sinh hoạt với nhiệm vụ bảo đảm an ninh nguồn nước. Tăng cường năng lực, hiệu quả điều hành, giám sát việc phối hợp vận hành điều tiết nước của hệ thống hồ chứa trên địa bàn tỉnh.

c) Xây dựng và thực hiện các chương trình sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả của các Sở, ngành, địa phương và các doanh nghiệp nhằm phát triển, nhân rộng mô hình sử dụng nước hiệu quả. Chú trọng phát triển các công trình khai thác, sử dụng tổng hợp, đa mục tiêu các công trình chứa nước.

d) Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và các công cụ hỗ trợ cho các cơ quan quản lý tài nguyên nước, quản lý chất lượng nước dùng cho các mục đích ở các cấp.

Nghiên cứu, triển khai áp dụng công nghệ mới trong đánh giá, dự báo, giám sát tài nguyên nước, các hoạt động gây ô nhiễm, cạn kiệt nguồn nước; cải tạo phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, kịp thời có giải pháp cấp nước thay thế cho các nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt.

Lắp đặt hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, hệ thống giám sát vận hành; hồ sơ điện tử công trình đối với các đập, hồ chứa. Chủ động thích nghi, ứng phó với những diễn biến của biến đổi khí hậu và việc khai thác nước ở thượng nguồn các lưu vực sông, suối, hồ, đập. Rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các chiến lược, chương trình, dự án, quy hoạch, kế hoạch về biến đổi khí hậu

để triển khai hành động của từng ngành, địa phương.

d) Tập trung hoàn thành sửa chữa, nâng cấp các đập, hồ chứa hư hỏng, xuống cấp và không đáp ứng khả năng chống lũ, đặc biệt đối với đập, hồ chứa nước có nguy cơ mất an toàn cao, lưu vực tập trung dòng chảy lũ về hồ nhanh. Tăng cường các biện pháp quản lý, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng các công trình, hệ thống khai thác sử dụng nước hiện có, nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí, thất thoát nước.

e) Chủ động kiểm soát, ngăn ngừa, hạn chế tình trạng ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước. Thiết lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh. Giám sát và cảnh báo sớm nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước của các hoạt động sản xuất, kinh doanh, chế biến nông, lâm sản, khai thác khoáng sản và nuôi trồng thủy sản vào các nguồn nước quan trọng. Kiểm soát, giám sát chặt chẽ các nguồn thải, chất thải ra môi trường, đặc biệt là nước thải xả vào sông, suối, hồ, đập.

- Tăng cường xử lý nước thải, đẩy mạnh kiểm soát, quản lý, bảo vệ môi trường nước và các lưu vực sông. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện hệ thống thu gom và xử lý nước thải, đặc biệt tại các khu đô thị, khu dân cư; khu công nghiệp; khu công nghệ cao; cụm công nghiệp; khu nghỉ trang; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các bệnh viện, bãi rác, trạm trung chuyển; cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với các sông, hồ; chú trọng bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai. Tăng cường đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt kết hợp với cải tạo, phục hồi các hồ ao, kênh mương tại đô thị. Triển khai áp dụng các mô hình xử lý nước thải phi tập trung đối với những khu vực chưa có điều kiện thu gom; thúc đẩy tái sử dụng nước thải, bùn thải. Thực hiện xử lý nước thải đạt yêu cầu ở tất cả các khu, cụm công nghiệp, các cơ sở công nghiệp, các bệnh viện...

Đánh giá khả năng chịu tải, lập phân vùng và hạn ngạch xả nước thải vào môi trường nước mặt; thực hiện các biện pháp giảm thiểu các nguồn thải gây ô nhiễm, phục hồi môi trường các sông, suối, hồ. Điều tra, đánh giá tổng thể chất lượng các nguồn nước dưới đất, các khu vực bị ô nhiễm nghiêm trọng; xây dựng và thực hiện kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi các khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng.

Tiếp tục giám sát các cơ sở chưa thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai triển khai tổng kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; thực hiện di dời 3.006 cơ sở chăn nuôi không phù hợp quy hoạch theo Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt danh sách các cơ sở chăn nuôi phải di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

- Tiếp tục cung cấp nước sạch, bảo đảm vệ sinh môi trường và ngăn chặn các

yếu tố môi trường có hại cho sức khỏe con người: Thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh nguồn nước, đặc biệt đối với nguồn nước sinh hoạt; nghiên cứu, kiểm soát, ngăn chặn ô nhiễm nguồn nước từ vi nhựa và vi sinh vật. Tiếp tục mở rộng phạm vi dịch vụ cung cấp nước sạch, giảm thiểu thất thoát nước ở khu vực đô thị; tăng cường đầu tư xây dựng các hệ thống cung cấp nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế cho nhân dân ở khu vực nông thôn. Tăng cường thực hiện các nội dung, giải pháp về vệ sinh môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; tiếp tục xây dựng và thực hiện nếp sống văn minh, xóa bỏ các hủ tục, khuyến khích thực hiện hỏa táng trong nhân dân. Chủ động phòng ngừa, ứng phó, bảo vệ sức khỏe cộng đồng đối với các dịch bệnh do các yếu tố môi trường gây ra. Xác định, cảnh báo và xử lý nguồn phát thải các chất ô nhiễm độc hại đối với sức khỏe con người như PCB (polychlorinated biphenyl), đi-ô-xin, a-mi-ăng..., tiến tới dừng sử dụng các vật liệu xây dựng có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người và môi trường.

- Tăng cường quản lý chất thải: Tiếp tục triển khai và thực hiện tốt Chỉ thị số 54-CT/TU ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau khi được phân loại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Kế hoạch số 12472/KH-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để triển khai thực hiện tại địa phương.

Triển khai thực hiện Đề án Quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030. Triển khai thực hiện tốt việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; xây dựng và triển khai thực hiện phương án thu phí theo lượng chất thải rắn phát sinh đúng tiến độ được giao trong luật bảo vệ môi trường để thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động về quản lý chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tăng cường giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, thu gom và xử lý chất thải nhựa. Từ sau năm 2025, không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch; sau năm 2030 dừng sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa; thúc đẩy phát triển các sản phẩm, vật liệu thân thiện với môi trường để thay thế. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam theo Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Quản lý chặt chẽ đối với hoạt động của các bè cá trên địa bàn tỉnh, tăng cường hướng dẫn về kỹ thuật, điều kiện hoạt động nuôi trồng thủy sản lồng, bè trên sông, hồ thuộc tỉnh nhằm phát triển thủy sản theo hướng bền vững, đảm bảo môi trường sinh thái, an toàn thực phẩm thủy sản cho người tiêu dùng và phù hợp cảnh quan của khu vực nuôi thủy sản lồng, bè, quản lý hoạt động nuôi thủy sản lồng, bè

từ tỉnh xuống địa phương.

- Kiểm kê số lượng, chất lượng tài nguyên nước mặt để có các biện pháp tăng cường quản lý, nâng cao giá trị, hiệu quả sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ lập báo cáo tài nguyên nước, niên giám thống kê và phục vụ nhu cầu thông tin về tài nguyên cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo, các nhu cầu khác của địa phương; làm căn cứ để lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng nước; làm cơ sở điều chỉnh chính sách, pháp luật về tài nguyên nước theo đúng mục tiêu của dự án “Kiểm kê và đánh giá tài nguyên nước mặt trên địa bàn tỉnh” đang được Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng.

- Phân loại nguồn nước, công bố danh mục các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nghiêm trọng và danh mục các cơ sở khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nghiêm trọng nguồn nước. Thống kê, kiểm kê, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước. Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động khoan thăm dò nước dưới đất, các nguồn xả thải vào môi trường nước từ các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn.

- Hạn chế và tiến tới việc cấm sử dụng các loại hoá chất độc hại trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản gây ô nhiễm nguồn nước; quản lý chặt chẽ khai thác nước dưới đất ở một số khu vực có nguy cơ xâm nhập mặn, sụt lún đất, thực hiện các giải pháp hiệu quả nhằm bổ sung cho nguồn nước dưới đất. Thực hiện các giải pháp phục hồi, bảo vệ các khu vực, tầng chứa nước dưới đất bị suy giảm mực nước, ô nhiễm, nhiễm mặn thông qua các biện pháp quản lý, bổ sung cho nguồn nước dưới đất.

2. Nhóm giải pháp mở rộng nguồn nước mặt

a) Quy hoạch, bố trí và xây dựng thêm các hồ chứa thủy lợi, nhất là tại các địa phương xa nguồn nước mặt và không có nhiều hồ chứa thủy lợi để trữ nước vào mùa mưa và cấp nước vào mùa khô, đây cũng là nguồn trữ và cấp nước an toàn khi các nguồn cung cấp nước sạch gặp sự cố (*đính kèm phụ lục 02 danh mục kế hoạch đầu tư xây dựng mới các công trình hồ chứa nước phục vụ cấp nước sinh hoạt đến năm 2030*).

b) Hoàn thành lập, điều chỉnh và triển khai phương án phát triển thủy lợi trong quy hoạch tỉnh đến năm 2050. Công tác quy hoạch cần tập trung xây dựng tầm nhìn, kịch bản phát triển, giải quyết các tác động cục bộ về hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, ô nhiễm, suy thoái nguồn nước, hạ thấp mực nước, bảo vệ nguồn nước.

c) Điều hòa, phân phối nguồn nước từ các công trình thủy lợi cho các nhu cầu sử dụng nước, bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả để phục vụ cho sản xuất, sinh hoạt. Ưu tiên nguồn cấp nước sinh hoạt từ các sông, các công trình hồ chứa lớn trên địa bàn tỉnh. Đối với các hồ, đập vừa thực hiện chức năng tưới tiêu, vừa cấp nước sinh hoạt thì cần rà soát, đánh giá tổng thể nhu cầu cấp nước tưới tiêu và

cấp nước sinh hoạt để có thể điều chỉnh tăng trữ lượng nước sinh hoạt một cách hợp lý, an toàn.

d) Nạo vét lòng hồ, tăng dung tích hồ chứa: Các hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh hầu hết cấp III và cấp IV (chỉ có hồ Cầu Mới tuyến VI là công trình cấp II). Đối với các hồ chứa xây dựng trên 30 năm (hồ Sông Mỹ, hồ Đa Tôn) đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư sửa chữa, nâng cấp các hạng mục công trình, trong đó có hạng mục nạo vét lòng hồ. Đối với các hồ chứa còn lại, chưa có tính toán và đánh giá cụ thể lượng bùn cát về hồ làm cơ sở xác định việc nạo vét lòng hồ, mặt khác thời gian hoạt động của các hồ chứa này khoảng từ 25-30 năm chưa đủ thời gian cho phép lượng bùn cát lấp đầy.¹

Việc xác định trữ lượng bùn cát nạo vét, được thực hiện trên cơ sở khảo sát, tính toán lượng bùn cát về hồ theo các tiêu chuẩn thiết kế, từ đó mới xác định được trữ lượng bùn, cát bồi lắng tại các hồ chứa. Đối với việc nạo vét các hồ chứa nhằm tăng dung tích phục vụ sản xuất, sinh hoạt được lồng ghép trong các dự án cải tạo, sửa chữa hồ chứa, đồng thời việc tính toán nạo vét hồ chứa cần phải căn cứ yêu cầu về tiêu chuẩn thiết kế đã được duyệt, trên cơ sở kết quả khảo sát, đánh giá, tính toán các thông số kỹ thuật theo quy định, để không xảy ra tình trạng thấm mất nước hồ chứa (*đính kèm phụ lục 01 danh mục và thông số các Hồ cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh*).

3. Nhóm giải pháp về quản lý

a) Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) và các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên nước nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả về công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên nước và phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

b) Hoàn thiện hệ thống quản lý, khai thác đập, hồ chứa về chất lượng nguồn nhân lực và trang thiết bị, ứng dụng khoa học, công nghệ, hiện đại hóa công tác quản lý, vận hành.

c) Tổ chức thực hiện cơ chế chủ động phối hợp trong quản lý tài nguyên nước, đảm bảo nguyên tắc gắn quản lý lưu vực sông Đồng Nai với quản lý theo địa giới hành chính cấp huyện để thực hiện các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước, giám sát, xử lý các trường hợp vi phạm về quy định xả thải ra sông Đồng Nai.

d) Tăng cường năng lực, trách nhiệm, hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc điều phối, giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; quản lý chất lượng nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt và các mục đích khác ở các cấp.

đ) Tiếp tục nghiên cứu các cơ chế, chính sách về thu hút, huy động các nguồn lực tài chính từ mọi thành phần trong xã hội cho các hoạt động về tài nguyên nước để đầu tư đầy đủ các công trình cấp nước, mạng lưới đường ống phân phối

¹ Theo QCVN 04-05:2022/BNNTPTNT thời gian cho phép dung tích bồi lắng hồ chứa bị lấp đầy cụ thể như sau: Đối với công trình cấp I, thời gian cho phép là 100 năm. Đối với công trình cấp II, thời gian cho phép là 75 năm. Đối với công trình cấp III, IV, thời gian cho phép là 50 năm.

đảm bảo người dân tiếp cận sử dụng.

e) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ, thường xuyên hoạt động tài nguyên nước và có các biện pháp xử lý vi phạm xả thải ra môi trường.

g) Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về quản lý bảo vệ và khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho mọi đối tượng từ bộ phận quản lý tài nguyên môi trường đến các trường học, bệnh viện, doanh nghiệp sản xuất và cộng đồng dân cư với các hình thức phong phú, phù hợp. Huy động sự chung tay, chung sức, đồng lòng của các thành phần kinh tế, các tổ chức khoa học, chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức và cộng đồng dân cư trong quản lý, bảo vệ tài nguyên nước và sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

h) Xây dựng cơ sở dữ liệu, chuyển đổi số, kết nối và chia sẻ dữ liệu về hoạt động quy hoạch, khai thác, sử dụng nguồn nước giữa các cấp, các địa phương để phục vụ quản lý hiệu quả nguồn nước và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

IV. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Sở Xây dựng

a) Chủ trì triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch Bảo vệ và mở rộng nguồn nước mặt phục vụ cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 để đảm bảo thực hiện mục tiêu đã đề ra.

b) Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan thực hiện các công việc liên quan nội dung đánh giá về mức độ an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh cũng như việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các hồ, đập chứa nước.

c) Thực hiện các trách nhiệm quản lý Nhà nước khác theo quy định của pháp luật về an toàn đập, an ninh nguồn nước, môi trường nước.

d) Đầu mối theo dõi, đôn đốc các đơn vị cấp nước, các chủ đầu tư dự án, công trình cấp nước đầu tư theo đúng lộ trình đã xác định trong Đề án cấp nước ban hành kèm theo Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Chủ trì thực hiện bảo vệ môi trường nước, phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

c) Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định.

d) Tập trung thực hiện theo Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

đ) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước sông Đồng Nai; các hồ, đập chứa nước trên địa bàn tỉnh và các vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, hành lang bảo vệ nguồn nước khác theo

quy định; kiểm soát chặt chẽ việc xả thải vào hệ thống sông, hồ, nguồn nước có sử dụng vào mục đích sản xuất nước sạch.

e) Thực hiện các trách nhiệm quản lý Nhà nước khác theo quy định của pháp luật về an toàn hồ, đập theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan thực hiện các công việc liên quan đến nội dung đánh giá về mức độ an toàn đập, hồ chứa nước có chức năng chính phục vụ tưới, tiêu và cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

b) Hàng năm, chủ trì phối hợp với các sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan kiểm tra, rà soát các hạng mục công trình hồ, đập cần sửa chữa, nâng cấp, tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh đưa vào kế hoạch đầu tư hàng năm, trung hạn và dài hạn.

Đối với việc sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư nhằm đảm bảo an toàn, ổn định cho công trình và tăng khả năng tích trữ nguồn nước (Dự án cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, hồ Gia Ui, hồ Sông Mỹ,...). Đối với các đập, hồ chứa khác, cần kiểm tra, kiểm định an toàn đập, đánh giá hiện trạng, từ đó đề xuất biện pháp công trình phù hợp.

c) Rà soát, đề xuất việc nạo vét nhằm tăng dung tích của các hồ chứa thủy lợi có phục vụ cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, khi có các hồ chứa thủy lợi hợp lý sẽ là nguồn trữ và cấp nước an toàn khi các nguồn cung cấp nước sạch khác có sự cố. Tiếp tục khảo sát, tính toán lượng bùn cát về hồ theo các tiêu chuẩn thiết kế, lồng ghép việc nạo vét lòng hồ trong các dự án cải tạo, sửa chữa hồ chứa. Việc nạo vét hồ chứa cần phải căn cứ yêu cầu về tiêu chuẩn thiết kế đã được duyệt, đồng thời phải tổ chức khảo sát, đánh giá, tính toán đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định, không để xảy ra tình trạng thấm mất nước hồ chứa.

d) Phối hợp chặt chẽ trong việc bảo vệ môi trường nước, phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

đ) Tiếp tục chủ trì, phối hợp các Sở: Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường; Công an tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Khu Bảo tồn Thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai; Các tổ chức, cá nhân nuôi thủy sản lồng bè; Các Hội, Hiệp hội và đơn vị liên quan quản lý, hướng dẫn đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản lồng, bè trên sông, hồ thuộc tỉnh.

e) Theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện các dự án, công trình cấp nước sạch nông thôn theo Đề án cấp nước ban hành kèm theo Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời phối hợp các địa phương vận động các đơn vị cấp nước đầu nối, mở rộng từ tuyến ống cấp nước đô thị và từ các trạm cấp nước tập trung nông thôn.

Chủ trì cùng với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có các hồ thủy lợi đang thực hiện chức năng cấp nước phục vụ sinh hoạt, tham mưu việc điều tiết năng lực cấp nước, tăng trữ lượng nguồn nước phục vụ sinh hoạt, đặc biệt tại các

hồ: Gia Ui, Núi Le, Gia Măng...

g) Thực hiện các trách nhiệm quản lý Nhà nước khác theo quy định của pháp luật về an toàn hồ, đập theo quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

Tham mưu trong việc cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp và các nguồn vốn khác theo chức năng quản lý cũng như các nhiệm vụ của Kế hoạch; hướng dẫn các Sở, ngành, cơ quan, địa phương sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả và đúng tiến độ các nội dung của Kế hoạch.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Thường xuyên tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm về nguồn nước trên địa bàn và công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trong phạm vi quản lý. Kiểm soát, giám sát chặt chẽ các nguồn nước thải, chất thải xả vào nguồn nước.

b) Chủ động rà soát nhu cầu sử dụng nước tưới tiêu từ các hồ, đập chứa nước có chức năng cấp nước sinh hoạt để đề xuất điều hòa, phân phối nguồn nước đa mục tiêu, nhằm tăng trữ lượng nước phục vụ sinh hoạt.

c) Đôn đốc các đơn vị cấp nước, các chủ đầu tư dự án, công trình cấp nước đẩy nhanh tiến độ đầu tư hệ thống cấp nước theo Đề án cấp nước, nhằm sớm đưa nước sạch tới từng hộ dân. Chủ động bố trí nguồn vốn để thực hiện các dự án, công trình cấp nước theo theo quyền.

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan trong việc bố trí, khai thác, sử dụng hợp lý nguồn nước để đảm bảo ổn định, an toàn và liên tục trong việc cung cấp nước sạch. Thực hiện quy hoạch, bố trí thêm các vị trí, khu vực xây dựng hồ chứa thủy lợi hợp lý để trữ nước vào mùa mưa và cấp nước vào mùa khô.

đ) Bảo đảm an toàn hành lang bảo vệ nguồn nước và vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; xác định ranh giới phạm vi của vùng bảo hộ trên thực địa sau khi được phê duyệt, công bố; thực hiện các biện pháp bảo đảm chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn quản lý.

e) Thực hiện các trách nhiệm quản lý nhà nước khác có liên quan về an toàn nguồn nước, hồ, đập thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6. Các đơn vị quản lý hồ chứa nước thủy lợi

a) Rà soát hiện trạng trang thiết bị phục vụ công tác quản lý vận hành công trình thủy lợi, từ đó trang bị thêm những phương tiện, thiết bị tự động hóa, số hóa để thực hiện tốt công tác quản lý, vận hành, đảm bảo an toàn cho công trình hoạt động ổn định đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

b) Lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp các công trình, hạng mục công trình hồ, đập bị hư hỏng, xuống cấp (đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước, nhà quản lý,...) nhằm đảm bảo an toàn công trình, đáp ứng yêu cầu cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

c) Thực hiện công tác kiểm định an toàn đập định kỳ theo quy định.

7. Các đơn vị kinh doanh nước sạch

a) Thực hiện đầu tư xây dựng các dự án, công trình cấp nước đảm bảo lộ trình đã xác định trong Đề án cấp nước ban hành kèm theo Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chủ động xây dựng kế hoạch, kinh phí đầu tư, mở rộng mạng lưới đường ống phân phối cho các năm tiếp theo. Nghiên cứu các nguồn nước mặt để có chiến lược đầu tư phát triển và mở rộng mạng lưới cấp nước để cung cấp nước sạch đến từng thôn, ấp.

b) Có biện pháp xây dựng phương án dự phòng để chủ động trong trường hợp nguồn nước mặt có sự cố. Đồng thời, thực hiện thủ tục xin cấp giấy phép khai thác nước dưới đất dự phòng trong trường hợp nguồn nước mặt bị sự cố để đảm bảo tính an toàn và liên tục trong quá trình cấp nước.

c) Phối hợp, liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để tiếp nhận dữ liệu quan trắc chất lượng nguồn nước để chủ động và có biện pháp xử lý phù hợp trong quá trình xử lý nước, đảm bảo chất lượng nước sạch đủ quy chuẩn quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và Biên Hòa căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động tổ chức triển khai thực hiện và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) trước ngày 05 tháng 12 hàng năm.

2. Giao Sở Xây dựng làm đầu mối theo dõi, đôn đốc thực hiện Kế hoạch này, triển khai kế hoạch đến các đơn vị quản lý hồ chứa nước thủy lợi, các đơn vị kinh doanh nước sạch và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch Bảo vệ và mở rộng nguồn nước mặt phục vụ cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa căn cứ nội dung Kế hoạch để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
 - Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
 - Ủy ban MTTQVN tỉnh;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành của tỉnh;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai, Báo Đồng Nai;
 - Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KTN. *✓*
- Vinh ktn KH BVTNN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi

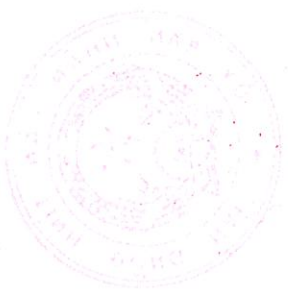


Phụ lục 01
DANH MỤC VÀ THÔNG SỐ CÁC HỒ CẤP NƯỚC SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Kế hoạch số 08 /KH-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên hồ, đập	Địa điểm	Năm hoàn thành	Thông số, năng lực cấp nước			Đơn vị quản lý công trình	Đơn vị khai thác sử dụng nước
				Dung tích hữu ích (triệu m3)	Diện tích tưới (ha)	Cấp nước (m3/ngày)		
	Tổng			98	6.123	185.390	78.715	
1	Hồ Đa Tôn	Huyện Tân Phú	1987	19,76	1.403	10.000	492	Công ty Dầu tư Thương mại 407 Công ty TNHH Bochang Donatours Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai Công ty Tuấn Lộc; Công ty Vedan; Công ty giấy Tân Mai Công ty Formosa Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai
2	Hồ Sông Máy	Huyện Trảng Bom	1979	13,75	1.100	2.000	658	
3	Hồ Gia Uí	Huyện Xuân Lộc	1998	11,27	680	5.000	8.046	
4	Hồ Cầu Mới tuyến VI	Huyện Long Thành và huyện Cẩm Mỹ	2007	21,00	900	80.500	49.375	
5	Hồ Cầu Mới tuyến V	Huyện Long Thành và huyện Cẩm Mỹ	2007	9,00	300	51.000	11.221	
6	Hồ Núi Le	Huyện Xuân Lộc	1988	3,54	400	15.000	8.923	
7	Hồ Gia Măng	Huyện Xuân Lộc	2015	4,01	590	3.300		
8	Hồ Cầu Dầu	Thành phố Long Khánh	2022	3,759	450	4.000		
9	Hồ Suối Tre	Thành phố Long Khánh	2022	2,38		8.150		
10	Hồ Lộc An	Huyện Long Thành	2014	0,636	300	5.000		

TT	Tên hồ, đập	Địa điểm	Năm hoàn thành	Thông số, năng lực cấp nước			Đơn vị quản lý công trình	Đơn vị khai thác sử dụng nước
				Dung tích hữu ích (triệu m ³)	Diện tích tưới (ha)	Cấp nước (m ³ /ngày)		
11	Hồ Bà Hào	Huyện Vĩnh Cửu	1988	9,05		1.440		Khu Bảo tồn thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai





Phụ lục 02

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỚI CÁC CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA NƯỚC PHỤC VỤ CẤP NƯỚC SINH HOẠT ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Kế hoạch số

/KH-UBND ngày

tháng

năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên công trình/dự án	Địa bàn	Dung tích hữu ích (triệu m3)	Nhiệm vụ			Diện tích xây dựng (ha)	Kinh phí (10 ⁶ đồng)	Nguồn vốn (10 ⁶ đồng)			
				Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Cấp nước (m3/ngày)			TW	Tỉnh	Huyện	XHH
Tổng cộng			25,22	5.380	-	66.900	996,52	2.076.753,4	-	1.598.435	-	478.319
I	Huyện Cẩm Mỹ		10,09	1.400	-	19.200	226,2	1.067.820	-	902.520	-	165.300
1	Hồ chứa nước Xuân Quế	Xã Xuân Quế	4,80	500		5.000	67	452.323		452.323		
2	Hồ chứa nước Suối Cả	Xã Long Giao	4,80	500		5.500	92	450.197		450.197		
3	Hồ Cầu Bung A	Xã Xuân Đường	0,488	400		8.700	67,2	165.300				165.300
II	Thành phố Long Khánh		0,154	220	-	1200	8,21	128.251	-	-	-	128.251
1	Hồ Bầu Môn	Xã Hàng Gòn, Phường Xuân Lập	0,154	220		1.200	8,21	128.251				128.251
III	Huyện Long Thành		5,253	500	-	30.000	62	106.725,40	-	106.725	-	-
1	Hồ Bình Sơn	Xã Bình Sơn	5,253	500		30.000	62	106.725,40		106.725		

TT	Tên công trình/dự án	Địa bàn	Dung tích hữu ích (triệu m ³)	Nhiệm vụ			Diện tích xây dựng (ha)	Kinh phí (10 ⁶ đồng)	Nguồn vốn (10 ⁶ đồng)			
				Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Cấp nước (m ³ /ngày)			TW	Tỉnh	Huyện	XHH
IV	Huyện Trảng Bom			1.470	-	3.000	269	293.634	-	-	-	293.634
	Hệ thống thủy lợi Lả Bông (hồ và trạm bơm)	Xã An Viễn		1.470		3.000	268,89	293.634				293.634
V	Huyện Tân Phú		3,052	950	-	5.000	216	84.272	-	84.272	-	-
1	Hồ Suối Đá	Xã Phú An	3,052	950		5.000	216,11	84.272		84.272		
VI	Huyện Thống Nhất		2,45	1.130	-	9.000	220	306.685	-	271.818	-	34.868
1	Hồ chứa nước Gia Đức	Xã Bàu Hàm 2, thị trấn Dầu Giây	1,895	180		3.500	120	186.950		186.950		
2	Hồ Bàu Lương	Xã Xuân Thanh	0,078	250		2.000		69.735		34.868		34.868
3	Hồ Sông Nhân	Xã lộ 25 và xã Sông Nhân	0,48	700		3.500	100	50.000		50.000		
VII	Huyện Xuân Lộc		4,22	1.180	-	2.500	264	383.000	-	233.100	-	149.900
1	Hồ Suối Cát	Xã Suối Cát	0,71	180		2.000	22	50.000				50.000
2	Hồ Gia Ui 2	Huyện Xuân Lộc	3,51	1000		500	242	333.000		233.100		99.900